

UBND QUẬN TÂN BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN TÂN BÌNH NĂM HỌC 2024 - 2025 (VỊ TRÍ DỰ TUYỂN: GIÁO VIÊN)

(kèm theo Thông báo số 300 /TB-HĐTDVC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
BẠC MẦM NON														
1	Lê Hà Tú Anh	20/01/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Sự phạm mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
2	Nguyễn Thị Bích Trâm	02/01/1979	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	B				
3	Nguyễn Thị Xuân Tuyền	01/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
4	Nguyễn Thị Hồng	13/01/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
5	Ngô Thị Thắm	12/10/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
6	Nguyễn Thị Mai Hiền	28/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
7	Nguyễn Vũ Huyền Trân	30/8/2003	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	Theo bảng điểm CĐ				
8	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	19/4/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
9	Trần Hoàng Yến Ngọc	24/9/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
10	Nguyễn Thị Thúy Hằng	05/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
11	Vũ Thụy Hải Âu	14/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Sư phạm mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
12	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	27/7/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
13	Nguyễn Thị Ngọc My	19/4/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
14	Tạ Thị Thu Thủy	30/11/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B					Gửi đường bưu điện
15	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/8/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				Gửi đường bưu điện
16	Mai Thị Minh Tâm	15/01/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
17	Đặng Nguyễn Thu Phương	05/5/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn giao tiếp nâng cao	Ứng dụng VP nâng cao				
18	Lương Thị Thủy Bình	03/11/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
19	Lê Thị Thúy Diễm	10/4/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	Tin học ứng dụng				
20	Trần Thị Mộng Kiều	25/11/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
21	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/9/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	Ứng dụng CNTT				
22	Phạm Thị Huyền Thương	26/11/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	Tin học văn phòng				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/3/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	CNTT cơ bản				
24	Nguyễn Hoàng Thúy Trúc	21/9/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
25	Hoàng Thị Trúc Ly	01/01/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 3	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	B				
26	Đặng Thúy Kiều	02/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 3	Đại học	Giáo dục mầm non		CNTT cơ bản				
27	Nguyễn Thị Bích Hậu	02/3/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 3	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	B				
28	Hoàng Thị Huyền	25/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	Theo bảng điểm CĐ				
29	Phạm Thanh Yến Nhi	19/8/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A			Con thương binh	
30	Đào Thúy Hải	10/9/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn TOEIC 400	CNTT cơ bản				
31	Dương Hoàng Kim Phụng	30/11/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
32	Tô Minh Thư	09/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
33	Lê Thị Kiều	07/9/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
34	Giang Kim Ngân	12/12/1994	Nữ	Hoa	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A			dân tộc Hoa	
35	Nguy Khai Oanh	04/11/1998	Nữ	Hoa	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sur phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
36	Nguyễn Thị Phương Mai	14/8/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	B				
37	Đỗ Thị Cẩm Viên	18/12/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Tin học ứng dụng				
38	Lý Thị Bảo Quyên	04/11/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	Tin học nâng cao				
39	Hoàng Thị Trâm Anh	07/7/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
40	Nguyễn Ngọc Duy Khang	17/12/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
41	Dương Thị Phương Hoa	04/8/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
42	Lý Thị Vạn Phước	15/3/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	B				Gửi đường bưu điện
43	Lưu Thị Thủy Tiên	04/02/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
44	Phạm Thùy Bích Phương	14/01/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
45	Phạm Thị Mỹ Dung	24/5/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn TOEFL IBT 68	CNTT trong dạy - học				
46	Phạm Vũ Quỳnh Lan	20/10/1979	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
47	Nguyễn Thị Việt Trinh	17/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
48	Huỳnh Ngọc Châu	19/11/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
49	A YÔ	25/9/1989	Nữ	Xơ - đăng	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Xơ - đăng	
50	Võ Nguyễn Hồng Ánh	14/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
51	Nguyễn Phạm Như Thùy	05/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
52	Lê Thị Diễm Trang	30/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Chứng chỉ Anh văn	CNTT cơ bản				
53	Tăng Thị Ngọc Diệp	01/3/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
54	Nguyễn Thị Thùy Dung	12/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
55	Võ Thị Phương Thảo	18/01/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	Tin học ứng dụng				
56	Nguyễn Thị Kiều	15/10/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
57	Trần Thị Diễm Quỳnh	24/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
58	Trương Thị Mỹ Trang	29/9/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A	A				
59	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	16/4/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
60	Trần Thị Thanh Thùy	21/5/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn C	B				
61	Lê Thị Bích Vân	25/9/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A	A				
62	Trần Thị Nhật Vy	06/01/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị quyết vụ sự phạm	Nghị quyết vụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
63	Nguyễn Trần Phương Vy	02/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	Theo bảng điểm CĐ				
64	Phạm Thị Ngọc Linh	20/8/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	Theo bảng điểm CĐ				
65	Nguyễn Thiên Nhi	09/8/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
66	Võ Phúc Hậu	24/10/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	A				
67	Trịnh Thị Hương Loan	28/7/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
68	Bùi Thị Kiều Oanh	17/10/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
69	Trần Thị Thu Thảo	01/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng anh giao tiếp	Tin học ứng dụng VP				
70	Trần Thủy Hằng	10/5/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
71	Huỳnh Thị Thủy Tiên	19/8/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
72	Nguyễn Thị Khuyên	19/6/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	A				
73	Nguyễn Thị Mộng Lượng	01/4/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Chứng chỉ Anh văn	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
74	Thái Thị Hằng	30/3/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A	A				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
75	Nguyễn Thủy Nga	02/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non						Gửi đường bưu điện
76	Trần Thị Thanh Xuân	08/4/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
77	Lâm Thủy Hằng	07/01/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
78	Phạm Thị Thu Trang	08/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
79	Nguyễn Thị Thanh Hương	25/4/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
80	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	11/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
81	Nguyễn Thủy Hằng	11/11/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
82	Trần Thị Hoàng Vy	23/02/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Xanh	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
83	Nguyễn Thị Quế Đan	27/10/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Xanh	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
84	Cao Thị Kim Phụng	28/12/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Xanh	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
85	Phạm Nguyễn Tố Uyên	01/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
86	Phạm Thị Cẩm Vi	19/02/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
87	Nguyễn Vũ Khánh Vy	10/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
88	Văn Thị Anh Thi	23/3/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
89	Nguyễn Phan Thị Lan	28/11/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
90	Lưu Hoàng Minh Anh	20/11/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non		CNTT cơ bản				
91	Đặng Thị Ngọc Khiếu	02/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản			Con thương binh	
92	Trần Thị Đoàn	19/12/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	Ứng dụng CNTT				
93	Nguyễn Thị Thanh Thảo	13/12/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Cao đẳng	Sư phạm mầm non	Theo bảng điểm CD	Theo bảng điểm CD				
94	Giang Thanh Trúc	26/11/2000	Nữ	Hoa	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
95	Nguyễn Thị Ngọc Quý	08/5/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
96	Lê Thị Quỳnh Như	09/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
97	Lê Thị Tú	30/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
98	Lê Thị Thanh	21/9/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CD	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sự phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
99	Dương Phạm Ngọc Hiền	16/10/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn AMI Children's House Assistants Course	CNTT				
100	Huỳnh Nguyễn Mai Anh	02/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản			Con thương binh	
101	Nguyễn Thị Khánh Tâm	30/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
102	Lê Thị Ngọc Linh	15/3/2003	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	CNTT cơ bản				
103	Nguyễn Thị Phương Trang	06/8/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH				
104	Trần Thị Bé Hào	13/02/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
105	Lâm Thị Tuyên	03/12/1997	Nữ	Khmer	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	Theo bảng điểm ĐH			dân tộc Khmer	
106	Trần Thị Nương	29/4/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
107	Nguyễn Thanh Doãn	20/01/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản			Con thương binh	
108	Cao Thị Thanh Thủy	15/8/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm TC	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
109	Ngô Huyền Trân	17/12/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non						
110	Trần Thị Loan Thảo	24/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	Theo bảng điểm CĐ				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
CẤP TIỂU HỌC														
1	Vũ Thị Yến	01/4/1979	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Ứng dụng tiếng Anh cơ bản	CNTT cơ bản				
2	Vũ Hoàng Anh Thư	09/5/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Ứng dụng CNTT				
3	Phan Nguyễn Nam Phương	28/3/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
4	Trần Đặng Mỹ Tâm	02/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
5	Lương Thị Thanh Xuân	09/3/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Sư phạm tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
6	Trần Thị Xuân Chi	28/6/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
7	Thạch Hồ Thị Tuyết Phương	01/6/1999	Nữ	Khmer	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học		CNTT cơ bản			dân tộc Khmer	
8	Nguyễn Văn Anh	28/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
9	Phạm Nguyễn Minh Thư	01/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
10	Võ Thị Mỹ Tiên	16/01/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
11	Nguyễn Thị Minh Thư	16/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
12	Hoàng Thị Phương Anh	17/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
13	Nguyễn Thị Ánh	30/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
14	Nguyễn Lê Mỹ Ngọc	04/8/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
15	Trần Nguyễn Bảo Trâm	08/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
16	Ngô Ngọc Mỹ Quyên	05/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
17	Vũ Nguyễn Phương Anh	06/7/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
18	Nguyễn Phương Huyền	09/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
19	Giáp Phương Thảo	19/7/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
20	Danh Ngọc Giàu	01/9/2002	Nữ	Khmer	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản			dân tộc Khmer	
21	Lê Thị Mỹ Hằng	23/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
22	Hoàng Thị Dương	12/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT				
23	Tiêu Mộng Thảo	25/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
24	Mơ Ly Ly	18/01/2002	Nữ	Cơ Ho	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản			dân tộc Cơ Ho	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
25	Lê Trương Hồng Phúc	15/6/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
26	Lê Huỳnh Như	05/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
27	Nguyễn Ngọc Huyền Trần	17/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
28	Quách Huỳnh Cẩm Trúc	29/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
29	Trần Thanh Loan	28/4/1993	Nữ	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	Ứng dụng CNTT			dân tộc Hoa	
30	Lê Thu Hiền	22/11/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	B				
31	Trần Thị Cẩm Thủy	19/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
32	Bùi Thị Ánh Tuyết	22/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
33	Diệp Phụng Yến	25/6/2002	Nữ	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
34	Nguyễn Thị Quý Thảo	04/10/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	A				
35	Nguyễn Thị Thu Ngân	08/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
36	Phan Thị Thủy Linh	06/9/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
37	Phan Thị Thủy	10/3/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
38	Lưu Yến Yến	25/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học						Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ su phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
39	Nguyễn Thị Hoài Thương	14/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn A1	A				
40	Nguyễn Đình Sáng	25/7/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục Thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
41	Nguyễn Thị Diệp Thúy	04/10/1981	Nữ	Kinh	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Đổng Đa	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Anh văn B	Theo bảng điểm ĐH				
42	Huỳnh Thanh Tuyền	17/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
43	Phan Thị Diễm Trân	24/12/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
44	Phạm Thị Thanh Nhi	14/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
45	Trịnh Ngọc Tháo Vi	25/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản			Con bệnh binh	
46	Hồ Thị Cảnh Hằng	09/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
47	Trần Quốc Toàn	10/5/1987	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	Cao đẳng				Gửi đường bưu điện
48	Vũ Nguyễn An Lãnh	29/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
49	Nguyễn Thu Long	25/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
50	Phan Anh Tú	09/4/1994	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
51	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
52	Hồ Diệp Anh	20/4/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
53	Bùi Thị Khánh Ly	02/5/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
54	Mai Thị Diễm Quỳnh	18/10/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
55	Nguyễn Thị Thạch Thảo	07/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
56	Bùi Kim Vy	24/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
57	Bùi Thị Thiên Nga	30/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
58	Trần Thị Trúc Giang	27/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
59	Thái Thị Tân Nương	09/7/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Anh văn B	B	Microsoft Word, Microsoft Excel		Gửi đường bưu điện	
60	Nguyễn Thị Thủy Tiên	06/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
61	Phạm Thị Thanh Xuân	25/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT trong dạy - học				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sự phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
62	Nguyễn Thị Xuân Huyền	14/5/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
63	Đoàn Vũ Thanh Tuyền	05/12/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
64	Nguyễn Ái Duyên	26/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
65	Mai Văn Minh	22/9/1988	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản			Quân nhân xuất ngũ	
66	Đinh Thụy Yến Nhi	27/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
67	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn IELTS 4.5/B1	CNTT cơ bản				
68	Nguyễn Hoàng Vạn Hạnh	06/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học						
69	Nguyễn Thị Trà My	10/11/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
70	Võ Thị Thúy Hằng	25/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
71	Nguyễn Thị Oanh Nguyệt	25/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
72	Hồ Thị Mỹ Giang	26/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
73	Đỗ Thị Nga	15/3/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn TOEIC 395	B				
74	Trần Thiên Ân	02/12/2001	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
75	Nguyễn Thảo Linh	18/9/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học						Gửi đường bưu điện
76	Trần Thị Thanh Nhạn	01/8/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
77	Nguyễn Ngọc Huỳnh	07/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
78	Nay H' Run	02/8/2001	Nữ	Gia-rai	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Gia-rai	
79	Nguyễn Thị Thanh Lam	05/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
80	Dương Chí	13/9/2002	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
81	Võ Gia Hương	11/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
82	Nguyễn Thị Huế	16/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
83	Võ Kim Minh Thư	25/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
84	Nguyễn Lê Hoàng Dung	20/11/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				Gửi đường bưu điện
85	Mông Thị Minh Thắm	20/01/2002	Nữ	Nùng	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản			dân tộc Nùng	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ su phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
86	Nguyễn Thị Việt Hòa	12/02/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản			Con của người hưởng chính sách như thương binh	
87	Hoàng Thị Quỳnh Phương	22/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A	CNTT cơ bản				
88	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	27/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
89	Trần Thị Bé Thùy	01/7/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
90	Trương Nguyễn Hoàng Doanh	20/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT nâng cao				
91	Hoàng Thị Thùy Tiên	25/12/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH				
92	Huỳnh Như Quỳnh	24/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
93	Lương Thanh Tuyền	24/7/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
94	Nguyễn Thị Mỹ Linh	05/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
95	Nguyễn Phương Trang	28/6/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
96	Trần Phạm Nhã Uyên	14/02/1983	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
97	Đinh Thị Mỹ Linh	15/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
98	Phạm Thúy Hương	16/7/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
99	Lê Bảo Ngọc Uyên	25/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
100	Phạm Thị Diễm Quỳnh	15/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
101	Phan Thị Xa Đét Hai	03/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
102	Bùi Ý Thu	05/8/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Anh văn B2, Tiếng Trung HSK3	CNTT cơ bản				
103	Nguyễn Thị Trinh	24/4/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	A, CNTT trong dạy học				
104	Huỳnh Hoàng An	11/3/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP			
105	Huỳnh Thị Uyên Thi	27/8/1981	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Đại học	A	Bồi dưỡng NVSP			
106	Nguyễn Hùng Gia Phi	18/01/1997	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Tin học ứng dụng	Bồi dưỡng NVSP			
107	Huỳnh Ngọc Kim Ngân	22/10/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngữ văn Anh	Đại học	B	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học			
108	Nguyễn Khánh Ngọc	29/6/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Tiếng Anh	Đại học	DCNTT nâng cao	bồi dưỡng NVSP			
109	Đàm Thùy Trang	05/8/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sự phạm	Nhiệm vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
110	Đỗ Thị Thu Hiền	04/4/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Theo bảng điểm ĐH				
111	Đào Ngọc Trúc	24/6/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	B	bồi dưỡng NVSP			
112	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	07/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học		Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học			Gửi đường bưu điện
113	Dương Hạnh Nguyễn	27/11/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
114	Lê Thị Hồng Liên	27/01/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học			
115	Nguyễn Thị Ngọc Hân	15/5/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP			
116	Lê Thị Hoàng Yến	11/12/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
117	Vương Gia Bảo	19/6/1998	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Chứng chỉ CNTT	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học			
118	Võ Đình Lễ	06/12/1983	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Tiếng Anh	Đại học	Tin học ứng dụng	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học			
119	Lâm Phát Từ Sam	29/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
120	Phan Huỳnh Nhật Linh	01/8/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
121	Bùi Thị Thảo	9/10/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Đại cương				
122	Trần Huỳnh Hương Phúc	22/9/2002	Nữ	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
123	Trương Kim Ngân	06/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
124	Nguyễn Thị Thanh Xuân	13/4/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
125	Nguyễn Thị Thanh Vy	22/11/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
126	Phạm Lê Ngọc Lan	27/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
127	Từ Phương Tâm	09/8/1999	Nữ	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
128	Lý Ngọc Hoa	25/5/1998	Nữ	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
129	Nguyễn Tiên Thảo Nhi	01/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
130	Nguyễn Trương Hiền Linh	22/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
131	Lê Thị Mỹ Hạnh	06/02/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
132	Dương Từ Trung	01/6/1983	Nam	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A			dân tộc Hoa	
133	Đỗ Thị Thùy	26/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn C	CNTT cơ bản				
134	Trần Thị Thu Huyền	10/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
135	Lại Thị Thu Hà	24/1/2002	Nữ	Tày	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			dân tộc Tày	
136	Tiền Liên Kim	02/3/1995	Nữ	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			dân tộc Hoa	
137	Bùi Thị Kiều Dương	24/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
138	Đỗ Thị Tuyết Hiếu	05/7/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn TOEIC 350	Theo bảng điểm CD				
139	Văn Vương Mỹ Linh	12/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
140	Huỳnh Thanh Hùng	27/4/1994	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
141	Nguyễn Thị Hồng Thắm	18/7/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
142	Nguyễn Ngọc Diệp	30/6/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
143	Phạm Nguyễn Phương Thủy	22/3/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Đại học	Theo bảng điểm ĐH				
144	Nguyễn Bá Minh Hà	10/11/1978	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
145	Nguyễn Việt Linh	22/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
146	Mang Thanh	10/01/1990	Nam	Gia-rai	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Gia-rai	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ su phạm	Nghiep vụ Tổng trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
147	Lê Thanh Huyền	02/9/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	B				
148	Phạm Thị Thanh Thảo	08/10/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
149	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	23/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
150	Phạm Thanh Thúy	20/9/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
151	Nguyễn Nhã Trúc	08/5/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
152	Văn Thị Ngọc Dung	09/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
153	Lý Bảo Thi	25/7/1981	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
154	Phạm Thị Quỳnh Anh	24/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn B2	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP			
155	Lý Ngọc Hoa	25/5/1998	Hoa	Kinh	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học Tổng phụ trách Đội		dân tộc Hoa	
156	Hoàng Lê Thanh Thảo	22/5/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
157	Lương Ngọc Trâm	23/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
158	Vương Kim Ngọc	21/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
159	Trần Thị Huyền Linh	20/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
160	Lâm Sang Giàu	18/8/1994	Nam	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			dân tộc Hoa	
161	Nguyễn Đỗ Kim Ngân	04/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
162	Bùi Thủy Hoa	16/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
163	Lê Thị Ngọc Mai	04/7/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
164	Võ Nguyễn Ánh Linh	19/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
165	Trương Trần Đệ	17/12/1996	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học		Ứng dụng CNTT trong dạy - học				
166	Nguyễn Thị Thanh Nhân	30/4/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
167	Trương Thị Minh Châu	22/12/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
168	Nguyễn Lê Hào Nhi	27/7/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
169	Trần Đỗ Ngọc Hân	13/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
170	Đoàn Lê Ngọc Vân	15/01/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
171	Nguyễn Thị Minh Thư	10/8/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	Tin học ứng dụng			Con thương binh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
172	Phạm Thị Mỹ Kiều	15/11/1979	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
173	Nguyễn Phương Huyền	09/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
174	Trương Thụy Thùy Trang	09/12/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	CNTT cơ bản				
175	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	20/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
176	Đỗ Thị Ánh Nguyệt	07/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
177	Lê Thị Thủy Hằng	21/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
178	Bích Thị Quỳnh Như	01/02/1993	Nữ	Chăm	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A			dân tộc Chăm	
179	Nguyễn Thị Thảo Chính	11/7/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT nâng cao				Gửi đường bưu điện
180	Đàm Thị Thu Thơm	12/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
181	Nguyễn Thị Trang	10/3/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A	B				
182	Phạm Ngọc Hà Mỹ	26/5/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
183	Trần Thị Cẩm Nhung	03/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
184	Trần Ngọc Sang	22/12/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
185	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/01/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
186	Tô Thị Bích Ngọc	07/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
187	Mai Lê Phương Trinh	13/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
188	Phan Thị Tâm Phương	07/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
189	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
190	Phan Thị Lan Nhi	13/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
191	Nguyễn Đình Toàn	28/7/1997	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
192	Nguyễn Phương Thanh	03/4/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
193	Lê Minh Quang	10/7/2002	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Chứng chỉ CNTT				
194	Vũ Nguyễn Thủy Linh	04/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
195	Trương Quang Nguyễn	13/10/1983	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
196	Huỳnh Hiếu Nhi	05/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn TOEIC 600	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
197	Nguyễn Gia Huy	02/4/1999	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
198	Nguyễn Thị Thùy An	19/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sự phạm	Nhiệm vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
199	Hứa Minh Thư	14/7/2002	Nữ	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
200	Trần Thị Liên	19/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
201	Đặng Ngọc Nhi	08/12/2002	Nữ	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
202	Huỳnh Thị Ngoan Em	30/10/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
203	Phạm Hồng Yến Nhi	19/8/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
204	Lê Thị Vân	06/9/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT nâng cao				
205	Trần Thị Thảo Nguyên	31/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
206	Võ Thùy Dung	25/02/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
207	Nguyễn Thị Thủy Hồng	30/11/1978	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP Tiểu học			
208	Nguyễn Quốc Hùng	09/11/1986	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Tiếng Anh	Đại học	A	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học			
209	Ngô Thị Ngọc Quanh	14/4/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn A1	B				Gửi đường bưu điện
210	Trần Huỳnh Ứt	10/9/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Huấn luyện thể thao	Theo bảng điểm ĐH	A				
211	Nguyễn Thị Kim Nhiên	03/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ su phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
212	Vũ Thanh Hương	18/12/1993	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Huấn luyện thể thao	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			Quân nhân xuất ngũ	
213	Trương Tiểu Long	22/12/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
214	Nguyễn Thị Phương Uyên	11/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
215	Võ Thị Vân Anh	06/12/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản			Con thương binh	
216	Phan Tuyết Nhi	19/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
217	Lê Hồng Ngọc	02/5/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học			
218	Nguyễn Thị Thảo Vi	20/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
219	Trịnh Thu Thảo	11/11/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
220	Trần Hữu Hoàng	18/8/1984	Nam	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn B	CNTT cơ bản				
221	Nguyễn Thị Hồng Thắm	12/01/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn bậc 3	Theo bảng điểm ĐH			Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
222	Nguyễn Hoàng Minh Thư	03/11/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	B	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh trung học cơ sở			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sư phạm	Nhiệm vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
223	Trần Thị Thanh Thảo	18/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn A2	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh tiểu học			
224	Phạm Trần Hoàng Trâm	07/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT trong dạy học				
225	Huỳnh Ngọc Tuyết	14/8/2001	Nữ	Hoa	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
226	Phạm Minh Ngọc	27/3/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	B	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học			
227	Vũ Thị Vân Anh	25/3/1983	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP			
228	Huỳnh Thanh Trúc	05/11/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Tiếng Anh	Đại học	Theo bảng điểm ĐH	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học			
229	Trần Mỹ Tâm	07/9/1986	Nữ	Hoa	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Ngữ văn Anh	Đại học	CNTT nâng cao	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học		dân tộc Hoa	
230	Phạm Thị Thanh Nhân	20/3/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học			
231	Đỗ Ngọc Kim Sang	03/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Anh văn TOEIC 855	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
232	Trần Huỳnh Thụy Anh	07/3/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT trong dạy học - học				
233	Nguyễn Thành Nhân	07/4/1991	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Tin học Đại cương	Bồi dưỡng NVSP			
234	Tôn Thị Tường Vi	04/03/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Sư phạm tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	A				
235	Dương Thu Thảo	03/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
236	Lê Thị Hồng	02/01/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
237	Hoàng Thị Phương	10/6/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	B				
238	Trà Thị Hồng Tiên	10/4/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
239	Hà Thị Xuân Thảo	01/12/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
240	Hoàng Diễm	27/8/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
241	Ngô Thanh Thảo	01/02/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT nâng cao				
242	Lê Thị Anh Thư	23/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
243	Đỗ Thị Dạ Lý	01/8/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
244	Nguyễn Thị Diệp Tuyên	07/02/1981	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
245	Nguyễn Ngọc Hân	20/5/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học	Đại học	B				
246	Hồ Thị Phương Thảo	16/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
247	Nguyễn Thị Thu Hoài	20/02/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
248	Nguyễn Trần Ngọc Hạnh	02/8/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	B				
249	Nguyễn Thị Bích Vân	02/4/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT vào trong dạy học tích cực				
250	Nguyễn Thị Thanh Tuyển	04/12/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
251	Nguyễn Thị Thương	05/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
252	Phan Thị Tâm Anh	20/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
253	Đỗ Như Ý	30/7/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
254	Lê Thị Tuyên	18/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
255	Trần Ngọc Thiên Thanh	06/7/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
256	Nguyễn Ngọc Phương Dung	03/12/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT trong dạy - học				
257	Phạm Tường Vy	26/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
258	Nguyễn Thị Thủy	23/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT nâng cao				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
259	Võ Thị Thanh Thảo	01/01/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
260	Vũ Thị Minh Sang	13/01/1984	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
261	Nguyễn Thị Hải Hậu	04/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
262	Phạm Ngọc Thanh	11/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
263	Nguyễn Thị Kiều Oanh	30/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
264	Vũ Thị Hồng Nhung	26/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
265	Dương Thị Ngọc Anh	21/5/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
266	Nguyễn Văn Khoa	01/7/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
267	Nguyễn Phúc Đại	28/02/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
268	Lê Nguyễn Phương Trung	11/12/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
269	Tô Quốc Phú	10/8/1999	Nam	Hoa	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
270	Lê Việt Hưng	24/9/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Huấn luyện thể thao	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
271	Lê Văn Tuấn	20/01/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	A				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sự phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
272	Nguyễn Công Hậu	05/3/1993	Nam	Kinh	Giáo viên Thẻ dực	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	A				
273	Bùi Văn Nhật	01/01/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Thẻ dực	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	Tin học ứng dụng	Bồi dưỡng NVSP			
274	Lê Bùi Thanh Hiền	14/4/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn A	A				
275	Mai Xuân Hạnh	12/7/1984	Nam	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn B	A				
276	Nguyễn Thị Kim Thủy	05/12/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
277	Phạm Minh Kha	10/8/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Thẻ dực	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				Giấy chứng nhận tốt nghiệp SQDB Bộ binh
278	Nguyễn Đức Duy	10/10/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Thẻ dực	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
279	Nguyễn Trần Hoàng Vũ	06/6/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Thẻ dực	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	Theo bảng điểm ĐH				
280	Nguyễn Thị Thủy Dương	15/6/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
281	Lê Hồng Trinh	24/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
282	Quách Tú Quyên	18/5/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Thân Nhân Trung	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	C				
283	Phan Thị Hồng Minh	11/02/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Thân Nhân Trung	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sự phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
284	Đoàn Thị Minh Hiền	22/4/1978	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Thân Nhân Trung	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	A				
285	Ngô Thu Hương	02/8/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Tân Trụ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm CD	CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học Tổng phụ trách Đội			
286	Bùi Mỹ Huyền	26/8/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Tân Trụ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Tin học ứng dụng	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học Tổng phụ trách Đội			
287	Lê Thị Mỹ Phương	12/01/1983	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh văn B1	Đại học	Bồi dưỡng NVSP			

CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

														Giấy chứng nhận đào tạo SQDB Bình chứng hợp thành
1	Trương Nam Dân	10/01/1985	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn B	A				
2	Đồng Thị Mai Dung	29/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Cử nhân Thạc sĩ	Sư phạm Toán học Khoa học dữ liệu ứng dụng	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
3	Nguyễn Minh Tường	19/9/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
4	Nguyễn Gia Khánh	01/11/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
5	Trần Văn Thiện	20/4/1984	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
6	Đỗ Ngọc Phương Uyên	26/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị vụ sự phạm	Nhiệm vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
7	Nguyễn Trúc Phương	14/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn TOEIC 560	CNTT cơ bản				
8	Bùi Kim Thành	04/5/1984	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A	CNTT cơ bản				
9	Đặng Quảng Ngọc Vy	30/9/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B				
10	Nguyễn Thị Dân	29/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A2	Cao đẳng				
11	Trịnh Thị Nghĩa Thảo	15/9/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Toán học Toán ứng dụng	Theo bảng điểm ĐH	Ứng dụng CNTT				
12	Nguyễn Thanh Sơn	16/3/1998	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn B2	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP			
13	Nguyễn Thị Mỹ Linh	01/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
14	Nguyễn Hồng Hạnh	20/5/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP			
15	Ngô Hoàng Anh Vy	12/3/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Theo bảng điểm ĐH	Bồi dưỡng NVSP cấp THCS			
16	Nguyễn Viết Tín	22/9/2002	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
17	Cao Ngọc Phương Uyên	05/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	A				
18	Trần Ngọc Tân	25/7/1999	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH	Bồi dưỡng NVSP GV THCS			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
19	Lê Thị Hạnh	16/4/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngữ văn Anh	Đại học	A	Bồi dưỡng NVSP GV tiếng Anh cấp THCS			
20	Nguyễn Hoàng Lâm Phương	10/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
21	Huỳnh Nguyễn Nhật Nam	27/9/2000	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT trong dạy - học				
22	Nguyễn Thị Tiểu My	08/11/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Chứng chỉ tin học	Bồi dưỡng NVSP GV tiếng Anh cấp THCS			
23	Huỳnh Minh Khôi	12/6/1999	Nam	Hoa	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
24	Đỗ Bùi Thanh Thúy	07/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Thạc sĩ	CNTT cơ bản				
25	Trần Thị Thủy	07/02/1979	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh Ngôn ngữ Anh	Thạc sĩ	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP			
26	Nguyễn Thị Thảo	21/9/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp THCS		Con bệnh binh	
27	Trần Thị Kiều Loan	15/11/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp THCS			
28	Cao Nguyễn Diệu Linh	10/5/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
29	Nguyễn Phạm Quỳnh Hoa	10/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp THCS			
30	Nguyễn Thị Ngọc Hải	23/4/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp THCS			
31	Nguyễn Quốc Hưng	07/10/2002	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
32	Nguyễn Minh Tiến	06/12/2000	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
33	Hoàng Kiều Chi	25/5/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	B				
34	Trịnh Hồng Ngọc	06/8/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Theo bảng điểm ĐH				
35	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	30/10/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
36	Lê Trần Thiên Phúc	08/12/1993	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Cao đẳng	bồi dưỡng NVSP trung cấp chuyên nghiệp			
37	Lâm Phương Uyên	11/6/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP			
38	Lê Thị Trinh Thắm	16/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Pháp	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Tiếng Pháp	Đại học	A				
39	Chamalé Công An	30/4/2002	Nam	Raglai	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Raglai	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Nghề vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
40	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/12/1998	Nữ	Mường	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Địa lí	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn Lịch sử và Địa lí		dân tộc Mường	
41	Trần Thuận Ý	16/02/1997	Nam	Hoa	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
42	Quách Cẩm Linh	08/02/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
43	Nguyễn Tân Bình	14/3/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
44	Phan Văn Tiến	10/02/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Thể dục thể thao	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
45	Phan Phúc Định	03/8/1982	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	CNTT cơ bản				
46	Phạm Lê Anh Hào	01/5/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
47	Nguyễn Trọng Hữu	20/11/1993	Nam	Kinh	Giáo viên - Tổng phụ trách Đội	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH	Bằng tốt nghiệp Chương trình đào tạo chức danh Tổng phụ trách Đội		Quân nhân xuất ngũ	
48	Huỳnh Tấn Tài	03/8/1999	Nam	Kinh	Giáo viên - Tổng phụ trách Đội	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
49	Dương Nhật Tú Uyên	10/10/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
50	Lại Thị Diễm Phúc	10/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn TOEIC	Ứng dụng CNTT				
51	Trần Ngọc Thiên Long	21/3/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
52	Phạm Thị Kim Thanh	13/12/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên KHTN			
53	Vũ Hải Nguyên	11/11/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên KHTN			
54	Trần Thị An Thanh	09/12/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	Theo bảng điểm Thạc sĩ	A				
55	Huỳnh Trung Kiên	22/7/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
56	Lại Võ Kim Ý	30/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
57	Lê Thùy Mỹ Duyên	11/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
58	Hàng Quốc Huỳnh Trung	28/12/2001	Nam	Hoa	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
59	Đinh Ngô Quỳnh Như	19/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
60	Lê Hữu Lợi	27/9/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản			Người hoàn thành NVQS	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
61	Trần Ngọc Thùy Dương	31/7/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Địa lý	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
62	Phạm Thị Hồng Loan	21/6/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Địa lý	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn Lịch sử và Địa lí			
63	Trần Võ Khôi Nguyên	29/7/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
64	Nguyễn Mỹ Luyện	11/7/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	Đại học				
65	Lê Đăng Khoa	02/10/1980	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
66	Đỗ Khánh Duyên	04/5/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
67	Lê Thành Đạt	17/3/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
68	Huỳnh Hoàng Ngân	23/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Tin học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
69	Thiều Quang Vinh	18/11/1987	Nam	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh văn A2	Đại học	bồi dưỡng NVSP GV THCS			
70	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/11/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	Đại học				
71	Tổng Thị Tuyết Trinh	06/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
72	Lâm Mỹ Ý	09/5/2002	Nữ	Hoa	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
73	Hoàng Thị Xuyến	20/9/1984	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B	B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
74	Nguyễn Lương Minh Minh	27/6/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
75	Lê Thị Thanh	05/9/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Ngữ văn	Anh văn B	A	Bồi dưỡng NVSP THCS			
76	Nguyễn Thị Thùy	24/4/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn Văn học Việt Nam	Anh văn B1	Ứng dụng CNTT				
77	Nguyễn Thị Lệ	15/4/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
78	Nguyễn Văn Quang	10/3/1986	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
79	Châu Văn An	09/10/1988	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn B	A				
80	Phạm Văn Khôi	25/5/1985	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B				
81	Đoàn Vũ Minh Nghĩa	29/5/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
82	Nguyễn Thị Kim Cúc	12/11/1978	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B				
83	Đỗ Phương Oanh	11/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
84	Lê Ngọc Quỳnh Anh	14/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
85	Nguyễn Thị Minh Châu	23/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn TOEIC 475	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
86	Nguyễn Thúy Hằng	09/5/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
87	Võ Mỹ Duyên	15/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
88	Bùi Đình Ý	22/9/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Toán Ứng dụng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Anh văn B1	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP dành cho GV Toán cấp THCS			
89	Hoàng Ngọc Sơn	09/02/1988	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B				
90	Nguyễn Trung Việt	23/3/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
91	Nguyễn Văn Tiến Đạt	20/3/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
92	Hoàng Thị Hương	08/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
93	Võ Quang Tân	17/10/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	A				
94	Trần Huy Hoàng	24/3/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
95	Nguyễn Văn Thành Nam	12/6/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
96	Đặng Thị Tuyết Mai	25/7/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn C	B				
97	Lê Thị Thu Thủy	02/01/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý Toán	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sự phạm	Nhiệm vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
98	Nguyễn Lê Thục Hân	03/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
99	Trần Phúc Chính	09/4/1987	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Vật lý điện từ	Anh văn B	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP THCS			
100	Trương Thị Quỳnh Anh	04/10/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Vật lý	B	B	Bồi dưỡng NVSP, Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
101	Lê Thị Tuyết	21/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
102	Nguyễn Thị Thanh Ngân	25/02/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
103	Phạm Thị Như Ý	12/4/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý Vật lý và Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	Anh văn bậc 3	B				
104	Nguyễn Phúc Anh	01/8/1990	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	A				
105	Cao Thị Thảo	15/12/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	CNTT cơ bản				
106	Lê Trương Hải Thanh	08/5/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý Vật lý lý thuyết và Vật lý Toán	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
107	Nguyễn Thị Thanh Vân	22/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
108	Đỗ Thùy Linh	20/6/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
109	Nguyễn Vũ Quốc Toàn	15/3/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý Vật lý nguyên tử	Anh văn bậc 4	B				
110	Lê Thị Thu Tâm	04/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT	bồi dưỡng NVSP			
111	Trần Thị Thúy	30/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
112	Lê Thị Thu Tâm	04/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
113	Vũ Thiên Triệu	28/4/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn TOEIC 755	CNTT cơ bản				
114	Nguyễn Thái Toàn	03/8/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
115	Hoàng Trọng Lịch	17/3/1980	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	A	Bồi dưỡng NVSP		Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị	Gửi đường bưu điện
116	Trịnh Anh Tuấn	19/01/1987	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B				Gửi đường bưu điện
117	Đinh Thị Tuyết Ngân	31/10/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
118	Nguyễn Thị Thanh Lam	19/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
119	Trương Hoàng Phương	20/9/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
120	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	05/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
121	Đoàn Thị Yến Linh	21/02/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	Anh văn B1	CNTT nâng cao	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
122	Vũ Thị Thùy Trang	26/12/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
123	Nguyễn Thị Như Bình	12/3/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
124	Võ Nguyễn Hà Vy Hạ	20/5/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	A	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
125	Bùi Hoàng Nhã Uyên	16/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
126	Phan Tường Vi	15/3/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Tiếng Anh Vật lý	CNTT cơ bản				
127	Phạm Thị Ngọc Mỹ	10/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
128	Âu Thị Phương Thảo	17/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
129	Trần Ngọc Quyền	06/8/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Vật lý học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
130	Trần Thị Lệ Thu	11/10/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý Vật lý chất rắn	Anh văn C	B	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
131	Phan Thị Diệu My	07/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học Hóa vô cơ	Anh văn B1	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
132	Châu Tấn Lộc	26/9/2001	Nam	Hoa	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn TOEIC 615	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
133	Nguyễn Thị Yến	13/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
134	Phạm Phương Bảo Châu	13/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
135	Nguyễn Minh Hiệp	24/3/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản	bồi dưỡng GV KHTN			
136	Lê Nguyễn Gia Thi	16/01/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
137	Cao Thị Thu Hà	24/5/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học Hóa lý thuyết và Hóa lý	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
138	Nguyễn Thành Phần	12/10/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Tiếng Trung HSK4	CNTT cơ bản			Quân nhân xuất ngũ	
139	Bùi Nguyễn Ngọc Hà	14/6/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học Hóa hữu cơ	Anh văn IELTS 7.0	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ su phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
140	Nguyễn Thị Diễm My	25/3/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
141	Nguyễn Thị Phương Nhi	22/5/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học Hóa hữu cơ	Anh văn B	B				
142	Huỳnh Thị Mỹ Như	14/01/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
143	Nguyễn Như Hào	02/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
144	Lê Quỳnh Như	29/3/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học Hóa lý thuyết và Hóa lý	Anh văn B	B	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
145	Đặng Trần Bảo Thắng	29/11/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
146	Đào Thiên Ân	22/01/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học Sinh thái học	Anh văn bậc 4	Tin học ứng dụng				
147	Nguyễn Thị Bích Trâm	17/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
148	Phan Võ Thu Duyên	26/3/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B2	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
149	Lê Nguyễn Thanh Thảo	21/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
150	Đoàn Thị Tố Nhiên	20/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sự phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
151	Phạm Lê Như Anh	28/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
152	Bùi Thị Cẩm Tú	24/7/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
153	Nguyễn Hữu Dầu	07/10/1983	Nam	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B	B	Bồi dưỡng GV dạy môn KHTN			
154	Nguyễn Thị Thanh Lộc	01/6/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
155	Phạm Nguyễn Yến Nhi	06/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
156	Dương Thành Phát	28/7/2000	Nam	Khmer	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			dân tộc Khmer	
157	Trần Dương Bích Liên	28/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
158	Trần Bá Lộc	01/12/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
159	Võ Thị Tường Vy	27/9/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
160	Đoàn Nam Ngọc Trâm	23/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
161	Đào Thị Ánh Phi	08/02/1993	Nữ	Chăm	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học Sinh thái học	Anh văn B1	B			dân tộc Chăm	
162	Phan Thị Thái Hà	25/01/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
163	Phạm Văn Sơn	24/11/1978	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh Khoa học giáo dục	Đại học	B				Gửi đường bưu điện
164	Lê Nguyễn Ngọc Hân	30/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT trong dạy - học	bồi dưỡng NVSP			
165	Trần Thanh Phúc	25/11/1999	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
166	Nguyễn Xuân Minh Hải	21/7/2001	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
167	Nguyễn Anh Duy	21/4/2001	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
168	Đặng Nhứt Hiếu Bình	22/10/2002	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
169	Bùi Cao Bảo Ngọc	26/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Anh văn TOEIC 885	CNTT cơ bản				
170	Nguyễn Thị Kim Quý	13/10/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
171	Trần Việt Hưng	23/3/1972	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Tin học văn phòng				
172	Nguyễn Thị Thắm	06/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	A				
173	Trương Thị Nga	15/01/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Địa lý	Anh văn BI	CNTT cơ bản				
174	Lê Văn Hiệp	12/10/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn BI	CNTT cơ bản				
175	Nguyễn Hà Việt	23/10/1981	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	CNTT cơ bản			Con thương binh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ su phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
176	Đình Văn Tân	25/5/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Thể dục thể thao	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
177	Nguyễn Hà Việt	23/10/1981	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	CNTT cơ bản			Con	Gửi đường bưu điện
178	Phạm Quốc Vinh	30/3/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học Tổng phụ trách Đội			
179	Trần Thị Phúc Minh	26/3/1984	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Ngữ văn	Anh văn bậc 3	CNTT	Chứng chỉ lý luận dạy học và giáo dục			
180	Hoàng Thị Trầm Hương	11/8/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn B	B				
181	Vũ Thanh An	23/6/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
182	Trần Lưu Chí Tường	19/3/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
183	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	21/12/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
184	Trương Thị Xuân Hà	01/01/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	Tin học ứng dụng				
185	Phạm Thị Thu Huệ	25/8/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Tin học cơ bản	bồi dưỡng NVSP GV THCS			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sự phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
186	Nguyễn Thị Hoài Thương	20/10/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Tin học nâng cao	bồi dưỡng NVSP GV Tiếng Anh cấp THPT			
187	Tô Thị Hồng Nhung	01/6/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	A				
188	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/02/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
189	Võ Thị Hồng Diệp	30/01/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Văn học	HSK4	Tin học đại cương	bồi dưỡng NVSP Văn cấp THCS			
190	Ngô Hoàng Bích Phương	27/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
191	Trần Thị Vân	20/10/1984	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn Văn học Việt Nam	Anh văn B	CNTT cơ bản				
192	Nguyễn Thị Thùy Dương	01/4/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
193	Nguyễn Thị Hoài Thương	01/01/1981	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Toán học	Anh văn A	Chứng chỉ tin học	bồi dưỡng NVSP			
194	Đỗ Trần Ngọc Châu	09/01/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Toán học Quản lý giáo dục	Anh văn B2	Tin học ứng dụng				
195	Huỳnh Ngọc Nhật	17/5/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học Thạc sĩ	Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH	bồi dưỡng NVSP GV Toán THCS			
196	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/8/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị vụ sự phạm	Nghị vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
197	Nguyễn Tấn Phong	30/8/1981	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	B				
198	Hoàng Thị Hồng Thương	05/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
199	Lê Thị Tân	18/11/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Toán học Đại số và lý thuyết số	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
200	Nguyễn Ngọc Minh	25/6/1987	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Toán học Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Anh văn B	A				
201	Phạm Thị Thúy Hằng	22/02/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Toán học Toán học	Anh văn B	B				
202	Phạm Công Văn	05/11/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
203	Trần Thị Thùy Trang	19/11/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
204	Nguyễn Thị Huỳnh Như	30/7/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
205	Võ Thị Quỳnh Trang	20/4/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
206	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/01/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
207	Nguyễn Hoàng Thắng	17/7/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị vụ sự phạm	Nghị vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
208	Tạ Hoàng Anh Khoa	16/10/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
209	Phạm Hồ Xuân Quỳnh	14/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm KHTN	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
210	Nguyễn Thị Kiều Liên	02/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
211	Nguyễn Thị Hà Giang	27/5/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
212	Nguyễn Thị Thoa	20/8/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
213	Huỳnh Thị Kim Trâm	20/4/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	A	Bồi dưỡng GV THCS dạy môn KHTN			
214	Hồ Kim Yến	16/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV THCS dạy môn KHTN			
215	Nguyễn Hoàng Khả Tú	13/7/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	Ứng dụng CNTT				
216	Trương Thị Thanh Hiền	09/02/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
217	Hồ Ngọc Lưu	03/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
218	Nguyễn Thị Linh Chi	08/12/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
219	Trần Hoàng Lâm	19/11/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
220	Nguyễn Thị Hồng Mai	15/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B1	A				
221	Hồ Nguyễn Nam Phương	12/3/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
222	Phạm Văn Dũng	10/5/1990	Nam	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
223	Đỗ Khắc Minh Tuấn	23/10/1980	Nam	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn A	B				
224	Phạm Duy Vũ	03/3/1986	Nam	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
225	Nguyễn Hoàng Ái Mỹ	07/4/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
226	Bùi Thị Thúy	26/7/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Anh văn B	Chứng chỉ Tin học				
227	Ngô Thị Mai	02/8/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Lịch sử	Anh văn B	B	bồi dưỡng NVSP			
228	Nguyễn Minh Hiệp	24/01/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
229	Nguyễn Bảo Thiên Ân	13/3/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học Thạc sĩ	Toán - Tin Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn Toán	Anh văn B2	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cho GV Toán cấp THCS			
230	Phạm Hải Sơn	06/5/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	Đại học				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
231	Nguyễn Thị Hồng Diệp	14/3/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Toán Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Anh văn B1	A				Gửi đường bưu điện
232	Phạm Duy Tùng	05/10/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
233	Tiêu Bửu Vinh	08/8/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
234	Nguyễn Thanh Việt	03/01/1990	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
235	Tổng Thị Thủy	26/7/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
236	Nguyễn Thị Quỳnh Như	08/6/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Toán Ứng dụng	Anh văn B	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP GV THCS			
237	Nguyễn Hồng Sơn	07/02/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
238	Phạm Đắc Thắng	02/12/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B				
239	Vũ Tuấn Thành	01/3/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn bậc 4	Ứng dụng CNTT				
240	Nguyễn Quốc Bảo	04/9/1992	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	CNTT cơ bản				
241	Nguyễn Ngọc Mai Quỳnh	06/8/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV THCS dạy môn KHTN			
242	Nguyễn Thị Vân	13/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV THCS dạy môn KHTN			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ su phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
243	Dương Ngọc Tú Quyên	07/9/2001	Nữ	Hoa	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
244	Mai Thị Ngọc Giang	17/6/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn C	B				Gửi đường bưu điện
245	Nguyễn Võ Trung Hậu	22/12/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
246	Nguyễn Phương Nam	12/5/1979	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý Vật lý lý thuyết và Vật lý Toán	Anh văn B1	Tin học ứng dụng				
247	Phạm Trương Duy	17/4/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
248	Trần Thị Huyền Sương	17/01/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
249	Đặng Đình Khôi	06/7/2000	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Anh văn C1	CNTT cơ bản, CNTT trong dạy học				
250	Trương Thị Thanh Thủy	25/4/1978	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	B	Bồi dưỡng CDNN GV hạng I, II			Gửi đường bưu điện
251	Phạm Hồng Hạnh	20/7/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV THCS			
252	Nguyễn Duy Khanh	30/11/2000	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV THCS			
253	Nguyễn Phạm Khánh Ngọc	01/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
254	Trần Phan Hương Lan	29/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
255	Nguyễn Hoàng Thùy Dung	22/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
256	Nguyễn Thị Phương Thoa	02/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
257	Nguyễn Thị Tuyết Minh	30/8/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	B	Bồi dưỡng NVSP GV Tiếng Anh cấp THCS			Gửi đường bưu điện
258	Đinh Thị Thùy Trang	16/10/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP GV Tiếng Anh cấp THCS			
259	Nguyễn Ngọc Hân	09/5/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
260	Vũ Phạm Đức Chính	08/4/1992	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV dạy môn Lịch sử và Địa lí			
261	Võ Minh Luân	24/8/1984	Nam	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn B	CNTT cơ bản				
262	Trần Hồng Diễm Trâm	10/8/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A1	CNTT trong dạy - học				
263	Trần Quốc Thái	29/12/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
264	Trần Thanh Vũ Tùng	14/12/1988	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	A				
265	Phan Thị Ngọc Thủy	04/3/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Toán học Toán ứng dụng	Anh văn B2	B				Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sư phạm	Nhiệm vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
266	Vũ Thế Lăng	24/4/1981	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Lịch sử	Anh văn B	B				
267	Ngô Hoàng Ngọc Linh	17/10/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS			
268	Nguyễn Quế Hương	17/11/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh Phương pháp dạy học Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
269	Nguyễn Thị Xuyến	01/10/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Tin học đại cương	bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp THCS			
270	Phạm Đoan Anh	22/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	A	bồi dưỡng NVSP cho GV THCS			
271	Trần Thị Vân Anh	21/6/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	B				
272	Lê Ngọc Quỳnh Giang	14/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
273	Nguyễn Thị Thanh Trà	15/02/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	B				
274	Nguyễn Phương Ngân	06/5/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sư phạm	Nghiep vụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
275	Lý Anh Tuấn	15/12/1998	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
276	Ngô Nguyễn Ngọc Bích	29/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Tiếng Pháp	Đại học	CNTT cơ bản				
277	Trương Hồ Minh Thắng	26/9/2002	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
278	Phan Nguyễn Ngọc Anh	07/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
279	Nguyễn Hồng Anh	17/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
280	Nguyễn Thị Thảo Vân	07/4/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
281	Trần Ngọc Hồng	22/12/1986	Nữ	Nùng	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học Sinh thái học	Anh văn B1	A	Bồi dưỡng GV THCS dạy môn KHTN		dân tộc Nùng	
282	Trương Trí Huy	16/10/2002	Nam	Hoa	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B2	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
283	Phạm Lê Phương Thảo	06/4/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm KHTN	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
284	Đinh Thị Bích Thủy	18/11/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng GV THCS dạy môn KHTN			
285	Lương Văn Anh	25/02/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
286	Dương Thị Lệ	18/5/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Công nghệ	Anh văn B	CNTT cơ bản				
287	Trương Thị Thanh Thảo	05/9/1983	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh văn C	Đại học	bồi dưỡng kiến thức sư phạm			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
288	Đoàn Thị Tâm	16/10/1981	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh văn B	Đại học	bồi dưỡng NVSP cho GV Tin học cấp THCS			
289	Nguyễn Thị Thu Hồng	24/4/1983	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học Thạc sĩ	Công nghệ thông tin Khoa học máy tính	Đại học	Thạc sĩ				
290	Phạm Thị Kim Liên	15/7/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Tin học	Anh văn TOEIC 570	Đại học				
291	Nguyễn Thành Đạt	02/12/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
292	Phạm Minh Sang	03/6/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
293	Đặng Thế Hải	29/3/2000	Nam	Hoa	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
294	Bùi Thủy Tiên	18/12/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm DH	CNTT cơ bản				
295	Mai Quốc Huy	19/9/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn TOEIC 500	CNTT cơ bản				
296	Trần Huỳnh Duy	18/10/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản			Người hoàn thành NVQS	
297	Đỗ Công Sơn	11/5/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
298	Lưu Phúc Đức	07/01/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
299	Nguyễn Thanh Danh	03/11/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
300	Trần Thị Mỹ Linh	15/3/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
301	Nguyễn Trí Tân	25/11/2002	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	Tin học cơ bản				
302	Huỳnh Thanh Thắng	12/3/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
303	Nguyễn Phúc Hậu	25/8/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
304	Phạm Văn Kiệt	28/9/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
305	Nguyễn Thùy Mỹ	20/11/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	A				
306	Trần Ngọc Gia Hân	02/01/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
307	Huỳnh Lê Tường Vy	15/6/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
308	Nguyễn Thị Hải Yến	10/10/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
309	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	11/8/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử- Địa lí	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
310	Trần Hoàng Tú Anh	06/3/2002	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
311	Nguyễn Thị Thùy Dung	17/6/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
312	Đinh Thị Quỳnh	12/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
313	Nguyễn Thị Thanh Thúy	22/12/1977	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
314	Nguyễn Ngô Duy Khánh	03/9/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn TOEIC 745	MOS (Wotd, Excel)	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học Tổng phụ trách Đội			

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐƠN VỊ DỰ TUYỂN CHƯA ĐÚNG

1	Đỗ Thị Thu Ngân	24/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
2	Vũ Thị Hồng Hà	04/02/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên Khoa học tự nhiên	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sinh học	Không	Tin học cơ bản + VP	bồi dưỡng nghiệp vụ SP			Gửi đường bưu điện
3	Nguyễn Thị Luyến	14/5/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Phòng GDĐT quận Tân Bình	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				Gửi đường bưu điện
4	Trần Thị Thùy	07/02/1979	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Hiệp Phú								Gửi đường bưu điện nhưng sai nơi nhận
5	Nghiêm Thị Là	02/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Phòng GDĐT quận Tân Bình	Đại học	Sư phạm Tiếng anh						Gửi đường bưu điện

Tổng cộng có 716 trường hợp đăng ký vị trí dự tuyển Giáo viên (khối MN: 110, khối Tiểu học: 287, khối THCS: 314 và 05 Phiếu đăng ký đơn vị dự tuyển chưa đúng).

DANH SÁCH TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN TÂN BÌNH NĂM HỌC 2024 - 2025 (VỊ TRÍ DỰ TUYỂN: NHÂN VIÊN)

(kèm theo Thông báo số 30 /TB-HĐTDVC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
BẬC MẦM NON													
1	Đặng Hoài Thảo Uyên	21/9/1994	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Mầm non 1	Đại học	Quản lý giáo dục	Anh văn B	CNTT nâng cao	Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ		
2	Lê Thị Như Quỳnh	20/8/1999	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Mầm non 3	Đại học	Kinh doanh quốc tế	Đại học		Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ		
3	Nguyễn Thị Thu Hồng	01/01/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Mầm non 3	Đại học	Luật	Anh văn B	B			Gửi đường bưu điện
4	Hồ Thị Mỹ Đức	16/01/1971	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường Mầm non 9	Trung cấp	Y sĩ	Anh văn C				Gửi đường bưu điện
5	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10/6/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 11	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh văn B	B			
CẤP TIỂU HỌC													
1	Ngô Khánh Toại	25/3/1970	Nam	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Sư phạm Toán học		Kỹ sư (Đại học)			
2	Đào Thị Quỳnh Như	08/10/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	Trung cấp		Con thương binh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
3	Trần Thị Lan Phương	16/02/1988	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn A2	CNTT cơ bản			
4	Phạm Anh Dũng	25/02/1986	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kip	Đại học (Kỹ sư)	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Truyền thông	Anh văn B				
5	Lê Huỳnh Ngọc Tú	13/7/2001	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kip	Đại học	Luật	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			
6	Hồ Thị Kim Duyên	04/10/1987	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kip	Đại học	Luật kinh tế	Anh văn B	A			
7	Nguyễn Thị Hồng Phúc	29/10/1974	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kip	Đại học Thạc sĩ	Tài chính Kế toán Quản lý công	Anh văn B	CNTT cơ bản			Gửi đường bưu điện
8	Vũ Hoàng Phước	14/9/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Kế toán	B	B			
9	Thái Thị Tân Diệu	19/12/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Kinh tế - Kế toán Kiểm toán	Anh văn B	B			Gửi đường bưu điện
10	Lữ Kim Thùy	08/6/1986	Nữ	Hoa	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn B	A		dân tộc Hoa	
11	Nguyễn Thị Kim Tình	16/02/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Kế toán	Anh văn B	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
12	Trần Vũ Minh Thanh	10/5/1995	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Sư phạm Ngữ văn					
13	Nguyễn Mai Gia Huy	19/11/2000	Nam	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Hệ thống thông tin	Anh văn B2				Gửi đường bưu điện
14	Trần Ngọc Ánh	14/02/1994	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Chi Lăng	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	CNTT cơ bản			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
15	Đỗ Thị Hằng	20/10/1975	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học Trung cấp	Báo chí Thư viện - Thiết bị trường học	Anh văn B	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng CDNN VC chuyên ngành Thư viện		
16	Lê Thị Hồng Thanh	03/02/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Thông tin - Thư viện	Anh văn B	A		Con thương binh	
17	Phạm Thị Nguyệt	07/3/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	Trung cấp	Y sĩ		CNTT nâng cao			
18	Nguyễn Thị Hạnh	23/02/1977	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Kế toán	Anh văn B1	A			
19	Hoàng Thị Lua	27/3/1987	Nữ	Tày	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Kế toán	Tiếng Trung A	Theo bảng điểm ĐH		dân tộc Tày	
20	Nguyễn Thanh Phượng	05/11/1985	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A			
21	Lâm Tư Duyên	18/10/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Kế toán	Anh văn A	A			
22	Đỗ Thị Thùy Dung	05/5/1994	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Trung cấp	Văn thư - Lưu trữ					
23	Trần Thị Nhu	10/8/1993	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn B	B			
24	Trần Văn Sơn	13/7/1983	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A			
25	Đỗ Ngọc Khánh Anh	24/8/1979	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn B	B			
26	Phan Trung Hiếu	30/11/1997	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Luật	Anh văn B	B		Con thương binh	
27	Vũ Thị Mai Hiên	26/10/1995	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Luật	Đại học				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ													
1	Chu Thị Hiền	22/12/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Kế toán	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			
2	Nguyễn Ngọc Phương Mai	23/4/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh văn C	A			Gửi đường bưu điện
3	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	20/11/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Kế toán	Theo bảng điểm CĐ, ĐH	Theo bảng điểm Trung cấp			
4	Nguyễn Thị Thu Hương	18/10/1986	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh văn C	B			
5	Diệp Bảo Yến	23/01/1989	Nữ	Hoa	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Luật	Anh văn B	CNTT nâng cao		Dân tộc Hoa	
6	Trịnh Hồng Vân	15/5/1986	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Luật	Anh văn A	A			
7	Nguyễn Vũ Hoàng Mỹ	14/01/1998	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Truyền thông đa phương tiện	Anh văn B1	Microsoft Word Photoshop			
8	Lê Trung Thành	15/7/1977	Nam	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn B	A	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
9	Trần Trọng Nhân	18/01/1977	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Kế toán	Anh văn B	B	bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN chuyên ngành Kế toán		
10	Nguyễn Thị Ngọc Phương	12/10/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Quang Trung	Trung cấp	Kế toán		CNTT cơ bản	bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN chuyên ngành Thư viện		
11	Võ Thị Phương Thảo	10/8/2001	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Thông tin - Thư viện	Anh văn B1	CNTT cơ bản			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
12	Huỳnh Nhật Linh	01/12/2001	Nữ	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Công tác xã hội					
13	Trần Thị Thu Hiền	16/12/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn A	A			
14	Nguyễn Ngọc Nhiều	01/8/1989	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Lịch sử Tư tưởng HCM	Anh văn B	Đại cương	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
15	Thái Nguyễn Đăng Khoa	29/9/1998	Nam	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Kế toán	Anh văn A2	CNTT cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
16	Trần Thanh Uyên Phương	19/8/1998	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Khoa học Thư viện	Anh văn B	CNTT cơ bản			
17	Nguyễn Thị Ngọc Hương	31/5/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	A	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
18	Trần Thị Thúy	17/7/1974	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Thông tin - Thư viện	Anh văn C	CNTT cơ bản			
19	Nguyễn Thị Hiền	03/9/1991	Nữ	Kinh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	Anh văn C	A	Chứng chỉ nghiệp vụ Thiết bị, thí nghiệm		
20	Phạm Ngọc Tân	25/6/1991	Nam	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Luật	Anh văn B	CNTT cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
21	Đồng Phúc Như	02/6/2002	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Thông tin - Thư viện	Anh văn B1	CNTT cơ bản			
22	Phạm Thị Nga	06/6/1986	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Thư viện - Thông tin	Anh văn B	CNTT cơ bản			
23	Đỗ Thị Mai Trang	10/01/1981	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Kế toán					

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
24	Nguyễn Phúc Phương Anh	20/6/2002	Nữ	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Tâm lý học giáo dục	Anh văn B1	CNTT cơ bản			
25	Nguyễn Như Ý	12/3/2000	Nữ	Kinh	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Tâm lý học					
26	Đoàn Bảo Phương	01/3/1988	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Kế toán	Đại học Ngữ văn Anh	Tin học đại cương			
27	Huỳnh Thị Tiến	04/10/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Kế toán	Anh văn B	B			
28	Nguyễn Vũ Hương Lan	29/6/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Kế toán		B			
29	Nguyễn Thị Thu Hà	01/6/1985	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học Thạc sĩ	Văn học Lý luận Văn học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Con thương binh	
30	Phạm Thị Thanh Thảo	09/12/1999	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			Gửi đường bưu điện
31	Lê Đức Anh Tuấn	18/3/1997	Nam	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Ngô Quyền	Cao đẳng	Sư phạm Toán	Theo bảng điểm CĐ	Theo bảng điểm CĐ			
32	Trần Minh Thạch	07/10/1985	Nam	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Ngô Quyền	Trung cấp	Y sĩ	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Quân nhân xuất ngũ	Gửi đường bưu điện
33	Võ Đình Nhã Uy	10/4/1982	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Luật	Đại học	Trung cấp			
34	Nguyễn Thị Cẩm Tú	19/10/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn B	CNTT cơ bản	BD ngành Kế toán viên		
35	Lê Thị Khánh Hoà	09/07/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn B	B			Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
36	Võ Hoàng Ngọc Lan	28/3/1997	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Trần Văn Quang	Trung cấp	Y sĩ		CNTT cơ bản			
37	Trần Đăng Thùy Trang	09/8/1985	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Trần Văn Quang	Trung cấp	Y sĩ	Theo bảng điểm TC	Theo bảng điểm TC			Gửi đường bưu điện
38	Đỗ Nguyễn Bảo Châu	22/5/2001	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Quản lý công					
39	Trương Thị Trang	04/6/2000	Nữ	Thổ	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Luật	Anh văn A2	CNTT cơ bản		dân tộc Thổ	
40	Trần Thị Hoài Trân	14/3/1980	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Quan hệ quốc tế	Cử nhân Tiếng Anh	Văn phòng			
41	Lê Thị Hiền	25/02/1996	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Luật	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			
42	Hàng Phước Thọ	24/8/1983	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Công nghệ thông tin		Đại học			
43	Nguyễn Thị Bảo Châu	20/3/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Cao đẳng	Công nghệ thiết bị trường học					Gửi đường bưu điện (2 bộ HS)
44	Trần Thị Vân Anh	30/9/2001	Nữ	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Tâm lý học	Anh văn TOEIC 400	CNTT nâng cao	Nghiệp vụ Tư vấn tâm lý học đường		
45	Nguyễn Trạc Đa	12/9/1980	Nam	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Tâm lý học	Anh văn B	A			
46	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	30/4/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Kế toán	Đại học				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
47	Huỳnh Thị Mộng Tuyền	20/10/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Trung cấp	Y sĩ	Anh văn A	A			
48	Phạm Thị Kim Thùy	08/4/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Công nghệ may	Anh văn B	A			
49	Trần Thị Phương Vy	21/02/1986	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Hành chính học		B			Gửi đường bưu điện
50	Dương Thị Ngọc Phương	08/3/1990	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Luật	Anh văn B	A			
51	Võ Trần Duy	02/10/1993	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Luật				Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND	
52	Hoàng Thị Lệ Thu	05/9/1996	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Luật	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			
53	Phạm Thị Cẩm Xuyên	05/02/2000	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Luật	Anh văn B1	CNTT nâng cao			
54	Trần Hoàng Long	03/01/2001	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Công nghệ thông tin	Theo bảng điểm ĐH chuyên về Tài chính và Kinh doanh	Đại học			
55	Lê Đỗ Duy Triết	02/7/1978	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đại học	Kế toán - Kiểm toán		Trung cấp			
56	Dương Thuận Phú	26/5/1999	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Tài chính - Ngân hàng					Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
57	Nguyễn Thị Thảo Nhi	23/11/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn C	A			
58	Lý Ngọc Lan	15/10/1975	Nữ	Hoa	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trung cấp	Y sỹ	Anh văn B	B		dân tộc Hoa	
PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐƠN VỊ DỰ TUYỂN CHƯA ĐÚNG													
1	Nguyễn Thị Ngọc Loan	03/5/1979	Nữ	Kinh	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều							Gửi đường bưu điện
2	Trịnh Thị Sông Lam	10/3/1989	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Ngành GDĐT quận Tân Bình	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh văn B1				Gửi đường bưu điện
3	Nguyễn Huỳnh Gia Huy	24/5/2002	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Phòng GDĐT quận Tân Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh văn TOEIC 730	CNTT nâng cao			Gửi đường bưu điện

Tổng cộng có 93 trường hợp đăng ký vị trí dự tuyển Nhân viên (khối MN: 05, khối Tiểu học: 27, khối THCS: 58 và 03 Phiếu đăng ký đơn vị dự tuyển chưa đúng).